

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Tuyết Mai.

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Ngọc K**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp GN, xã VT, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh **Dương Hoài V**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp KHC, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Ngọc K trình bày:

Chị và anh Dương Hoài V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời vào ngày 08/7/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm và anh V có tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không

thể hàn gắn chung sống lại được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh V.

Thời gian chung sống chị và anh V có 01 con chung tên Dương Hoài P, sinh ngày 23/9/2015. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, anh V được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Thấy rằng chị K và anh V tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị K xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm và anh V có tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm dành cho nhau không còn, không thể hàn gắn chung sống lại được và ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân vì đã mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu được ly hôn. Đối với anh V đã biết việc chị K khởi kiện xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, điều này cho thấy mâu thuẫn chị K đặt ra là có cơ sở và anh V chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị K đặt ra. Từ căn cứ trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Dương Hoài P, sinh ngày 23/9/2015. Xét thấy, cháu P chưa được 36 tháng tuổi và do chị K nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân đến nay. Ngoài ra, anh V không có yêu cầu nuôi con chung. Do đó, Tòa án cần tiếp tục giao con cho chị K nuôi dưỡng là có căn cứ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Xét thấy các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị K. Cho chị Lý Ngọc K được ly hôn với anh Dương Hoài V.

- Về con chung: Giao cháu Dương Hoài P, sinh ngày 23/9/2015 cho chị K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Dương Hoài V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản và nợ không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình chị K phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008100 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên